ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUỐC VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CÔNG NHẬN NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ QUỐC VIỆT

(Kèm theo Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 20 /10/2026 của UBND xã Quốc Việt)

TT	Họ, tên NCUT	Tổng	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ văn hóa Chuyên môn	Thành Phần người có uy tín												Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Bí thư chi bộ	Trưởng thôn và tương đương	Trưởng ban công tác mặt trận	Già làng	Trưởng dòng họ/Tộc trưởng	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng; thầy lang	Nghệ nhân người DTTS	Nhân sĩ, trí thức người DTTS	Doanh nhân, người sản xuất giỏi	Thành phần khác		
1	*2*	*3=4+5*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
	Tổng cộng:	**17**	**15**	**2**					**2**				**2**		**1**				**12**	**16**	
1	Nông Văn Tiến		1964		Tày	Thôn 1	TC						Cán bộ nghỉ hưu							x	
2	Trần Văn Báu		1966		Tày	Thôn 2	8/12.												x	x	
3	Triệu Quốc Hội		1970		Nùng	Thôn 3	10/12.												x	x	
4	Lộc Văn Huyên		1983		Nùng	Thôn Pác Lạn	9/12.												x	x	
5	Hoàng Văn Lý		1966		Tày	Thôn Pác Lạn	7/12.												x	x	
6	Trần Thị Thiệp			1988	Nùng	Thôn Nà Lình	12/12												x	x	
7	Nguyễn Thị Yêm			1960	Tày	Thôn Nà Lình	9/12												x	x	
8	Nguyễn Thành Luân		1959		Tày	Thôn Nà Lình	7/10												x	x	
9	Nguyễn Công Dực		1967		Tày	Thôn Nà Lình	SC												x	x	
10	Hoàng Thế Hồng		1954		Tày	Thôn Bình Độ	TC						Cán bộ nghỉ							x	

TT	Họ, tên NCUT	Tổng	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ văn hóa Chuyên môn	Thành Phần người có uy tín												Đảng viên	Ghi chú
			Nam	Nữ				Bí thư chi bộ	Trưởng thôn và tương đương	Trưởng ban công tác mặt trận	Già làng	Trưởng dòng họ/Tộc trưởng	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, Chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng; thầy lang	Nghệ nhân người DTTS	Nhân sĩ, trí thức người DTTS	Doanh nhân, người sản xuất giỏi	Thành phần khác		
1	*2*	*3=4+5*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
11	Đoàn Văn Báu		1971		Tày	Thôn Bình Độ	9/12								Thầy mo						
12	Hoàng Thanh Thủy		1961		Nùng	Thôn Bình Độ	7/10												x	x	
13	Chu Văn Hanh		1969		Tày	Thôn Nà Pò	9/12		Phó thôn										x	x	
14	Lê Ngọc Tuyến		1983		Tày	Thôn Nà Pò	9/12													x	
15	Nông Đại Tuyên		1977		Nùng	Thôn Nà Dài	9/12												x	x	
16	Lương Quốc Chung		1977		Tày	Thôn Nà Dài	9/12												x	x	
17	Ma Văn Tình		1987		Tày	Thôn Nà Dài	9/12		Phó thôn											x	